



CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM



VIMCERTS 252

VILAS 1285

Mã mẫu:
1127/DV/0128/
12-23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2023
Trang: 1/2

- Đơn vị được lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM**
- Địa chỉ lấy mẫu : Đường N2, lô D4, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Loại mẫu : Nước thải (SEK-NT-01)
- Vị trí lấy mẫu : Vị trí hồ ga kết nối nước thải với KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 – Đầu ra của trạm xử lý nước thải
(Kinh độ: 107°03'41,8"; vĩ độ: 10°31'49,2")
- Ngày quan trắc/đo đạc: 06/12/2023
- Tình trạng mẫu : Mẫu vàng, ít cặn
- Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	Phương pháp thử
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	30,2	40	TCVN 4557:1988
2	Độ màu ^(*)	Pt/Co	55	50	TCVN 6185:2015
3	pH ^(*)	-	7,19	6 – 9	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	16	300	TCVN 6001-1: 2008
5	COD ^(*)	mg/L	42	350	SMEWW 5220.C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(*)	mg/L	16	300	SMEWW 2540.D:2017
7	Tổng dầu mỡ ^(*)	mg/L	KPH (LOD = 0,3)	4,05	SMEWW 5520.B:2017



CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM



VIMCERTS 252

Mã mẫu:
1127/DV/0128/
12-23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2023
Trang: 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	Phương pháp thử
8	Sunfua ^(*)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ C&D:2017
9	Amoni (tính theo N) ^(*)	mg/L	0,36	20	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
10	Tổng Nito ^(*)	mg/L	< 9,0	35	TCVN 6638:2000
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	0,88	6	SMEWW 4500-P.B&D:2017
12	Clorua ^(*)	mg/L	287	405	TCVN 6194:1996 – ISO 9297:1989 (E)

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;
- KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ Vimcert 066.

QA/QC

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG,
DIOXIN VÀ ĐỘC CHẤT
ĐIỀU HÀNH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Dư

Diệp Anh Linh



Kỷ Văn Thành



CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM



VIMCERTS 252

VILAS 1285

Mã mẫu:
1121/DV/0128/
12-23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2023
Trang: 1/2

- Đơn vị được lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM**
- Địa chỉ lấy mẫu : Đường N2, Lô D4, KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Loại mẫu : Bùn thải (SEK-BT-01)
- Vị trí lấy mẫu : Mẫu bùn thải tại kho lưu giữ bùn thải của quá trình xử lý nước (Kinh độ: 107°03'42.1"; Vĩ độ: 10°31'50.0")
- Ngày quan trắc/đo đạc: 06/12/2023
- Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong túi chứa mẫu, dán kín
- Ngày nhận mẫu : 06/12/2023
- Lưu mẫu : Không ☐ Có ☒ đến ngày: 31/12/2023
- Kết quả thử nghiệm :

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Nồng độ ngâm chiết C _{tc} (mg/l)	QCVN 50:2013/ BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp thử
1	pH ^(b) (H ₂ O ở 25°C)	-	6,45	2 < pH < 12,5		US.EPA Method 9045D + US.EPA Method 9040C
2	Asen (As) ^(b)	mg/L	0,0029	2	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3114.C:2017
3	Bari (Ba) ^(*)	ppm	KPH (LOD = 44)	-	2.000	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
4	Bạc (Ag) ^(*)	ppm	KPH (LOD = 2,5)	-	100	TCVN 8963:2011 & SMEWW 3111B:2017
5	Cadmi (Cd) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	0,5	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3111.B:2017
6	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,05)	15	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3111.B:2017
7	Coban (Co) ^(*)	ppm	KPH (LOD = 2,4)	-	1.600	TCVN 8963:2011& SMEWW 3111B:2017
8	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,34	250	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3111.B:2017
9	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,05)	70	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3111.B:2017
10	Selen (Se) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,05)	1	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3114.C:2017
11	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	0,2	-	US.EPA Method 1311 + SMEWW 3112.B:2017





CỤC KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN NAM



VIMCERTS 252

VILAS 1285

Mã mẫu:
1121/DV/0128/
12-23

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2023
Trang: 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Nồng độ ngâm chiết C _{tc} (mg/l)	QCVN 50:2013/ BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp thử
12	Crom VI (Cr) ^(b)	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	5	-	US EPA Method 1311 + SMEWW 3500-Cr.B:2017
13	Tổng Xyanua ^(b)	ppm	KPH (LOD = 0,09)	-	590	US.EPA Method 9010C+ US. EPA Method 9013B + US.EPA Method 9014
14	Tổng Dầu ^(b)	mg/l	KPH (LOD = 2)	50	-	US.EPA Method 1311 + US.EPA Method 9071B
15	Phenol ^(*)	ppm	KPH (LOD = 10)	-	20.000	US EPA Method 8041 A
16	Benzen ^(*)	ppm	KPH (LOD = 1,0)	-	10	US EPA SW 846 Method 5021A
17	Clobenzen ^(*)	ppm	KPH (LOD = 1,0)	-	1.400	US EPA SW 846 Method 5021A
18	Toluen ^(*)	ppm	KPH (LOD = 1,0)	-	20.000	US EPA SW 846 Method 5021A
19	Naptalen ^(*)	ppm	KPH (LOD = 1,0)	-	1.000	US EPA SW 846 Method 5021A

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Không được trích sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam;
- KPH: Không phát hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (*): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ Vimcert 066;
- (b): Thông số được chứng nhận theo VIMCERTS 252.

QA/QC

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG,
DIOXIN VÀ ĐỘC CHẤT
ĐIỀU HÀNH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Dư

Diệp Anh Linh



Ký Văn Thành